TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HS-ST
Ngày: 31/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2018/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tấc L, sinh năm 19… tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Thôn A, xã D, TX.D, Tỉnh D

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, TX.B, Tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần A D và bà Niễm Bạt M; Bị cáo có chồng và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Bị hại*

1. Cháu Triệu Văn B, sinh ngày 18/7/20.. (Có mặt).

Trú tại: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh B

Người giám hộ: Ông Triệu Văn H, sinh năm 19… (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh B

2. Cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 28/7/20… (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh B

Người giám hộ: Trần Đức V, sinh năm 19… (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh B

3. Cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 17/11/20… (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh B

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19… (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh B

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Tuấn D, sinh năm 19... (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, TX.B, Tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 20/10/2017, Triệu Văn B, sinh năm 20... điều khiển xe mô tô biển số 93 N1-1943 chở Trần Thị Thu T, sinh năm 20... và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 20...đi vào hướng thôn E, xã B. Lúc này, Trần Tấc L đang ở trong nhà thì nghe thấy tiếng xe đi qua, đi lại và nẹt pô gây ồn ào, làm con của L thức dậy. L tức giận nên ra ngài sân nhặt một đoạn tre dài 93cm, đường kính khoảng 4cm đi ra ngoài đường. Khi B điều khiển xe mô tô đi ngang qua nhà L thì L sử dụng đoạn tre đập vào hướng xe mô tô, L đập một cái theo hướng từ trên xuống trúng và đầu T gây thương tích. Do L đập cây tre và đầu T nên xe mô tô B điều khiển ngã vào hàng rào kẽm gai bên đường làm B và D cũng bị thương. Sau đó, B, T và D được người dân đưa đi cấp cứu.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 83/TgT ngày 10/4/2018 của Trung tâm giám định Y khoa- Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- Lõm sọ đỉnh phải kích thước (3 x 2,5)cm đáy chắc.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Trần Thị Thu T là 21%.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 84/TgT ngày 10/4/2018 của Trung tâm giám định Y khoa- Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- Sẹo phức tạp 1/3 dưới – trong đùi phải trên diện (14 x 8)cm lồi, cứng.

- Sẹo cẳng chân phải mặt sau hình **µ** kích thước (6 x 0,5)cm; (2 x 0,5)cm và (16 x 1,5)cm lõm.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Nguyễn Thị Mỹ D là 11%.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 82/TgT ngày 10/4/2018 của Trung tâm giám định Y khoa- Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- Sẹo 1/3 dưới – trong đùi phải kích thước (1,5 x 0,3)cm lồi.

- Sẹo 1/3 giữa – trong cẳng chân phải kích thước (3 x 0,6)cm mềm.

- Sẹo 1/3 trên cẳng chân trái kích thước (2,8 x 0,3)cm mềm.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Triệu Văn B là 03%.

Vật chứng vụ án: 01 đoạn cây tre dài 93cm, đường kính một đầu 4cm, một đầu 3cm Cơ quan CSĐT đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 93N1 -19.. số khung 12149Y023...; số máy C12E – 1223... đã được trả lại cho ông Trần Đức V là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho các gia đình bị hại. Các gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 63/CTr –VKS ngày 08/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Tấc L về "Tội cố ý gây thương tích" theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Tấc L phạm "Cố ý gây thương tích"; về hình phạt, áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Tấc L từ 24 đến 30 tù cho hưởng án treo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo pháp luật.

Bị cáo Trần Tấc L thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào lúc 13 giờ ngày 20/10/2017, do tức giận việc các cháu Triệu Văn B, Nguyễn Thị Mỹ D và Trần Thị Thu T chạy xe nẹt pô gây ồn ào làm con của bị cáo thức giấc. Bị cáo Trần Tấc L đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm (đoạn tre) đánh vào đầu cháu T gây thương tích 21%, do xe mô tô B điều khiển chở T và D bị ngã vào hàng dào kẽm gai làm cho cháu D thương tích 11% và cháu B thương tích 03%.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Tấc L đã phạm vào "Tội cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm.....;

c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;

d) Đối với trẻ em,....

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng hung khí đánh vào cơ thể người khác khi đang ngồi trên xe mô tô không chỉ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người trực tiếp bị đánh mà còn có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người cùng ngồi trên xe mô tô. Nhưng do nóng nảy, thiếu kiềm chế bị cáo đã cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe, của người khác, đây là quyền nhân thân được nhà nước và pháp luật bảo hộ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các gia đình bị hại. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ có xác nhận của chính quyền

địa phương. Người giám hộ cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 93N1 - 19.. số khung 12149Y023...; số máy C12E – 1223... đã được trả lại cho ông Trần Đức V là chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét

Căn cứ Điều 41 Bộ Luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Cần tịch thu tiêu hủy 01 đoạn cây tre dài 93cm, đường kính một đầu 4cm, một đầu 3cm.

[6] Về án phí hình sự: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Tấc L phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm b, p khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 60; của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Tấc L 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Tấc L về Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đoạn cây tre dài 93cm, đường kính một đầu 4cm, một đầu 3cm.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Tấc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người giám hộ của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long